

Bản án số: **27/2021/DS-ST**
Ngày: 29-9-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 14 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng A**. Trụ sở: Số nhà A đường B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng. Ông Bùi Đức Q ủy quyền cho ông Nguyễn Như T- Chuyên viên chính – Phòng XLN KHCN, ông Nguyễn Duy K - Chuyên viên chính – Phòng XLN KHCN và bà Nguyễn Thị V – Giám đốc QL XLN KHCN – KV 1- Phòng XLN KHCN. Ông Nguyễn Như T có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1985, trú tại: Tổ A1 (cũ), tổ A2 (mới), phường B1, quận C1, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 12 năm 2020; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Như T trình bày:

Ngày 27/5/2016, Ngân hàng A – chi nhánh Đà Nẵng – Phòng giao dịch Hòa Khánh (là bên cho vay), địa chỉ 224 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng và ông Nguyễn Văn X (là bên vay) đã ký Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV với các nội dung sau: số tiền vay: 100.000.000 đồng; thời hạn: vay 60 tháng; thời hạn rút vốn: trong vòng 120 ngày kể từ ngày 27/5/2016; mục đích sử dụng vốn vay: mua sắm đồ gia dụng; lãi suất cho vay: lãi suất theo quy định (thay đổi theo chính sách/sản phẩm do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ), được quy định cụ thể tại các Khế ước nhận nợ (lãi suất vay tại Khế ước nhận nợ: 23,5%/năm tính trên dư nợ thực tế giảm dần và được điều chỉnh theo Thông báo của bên cho vay); Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức tính lãi, phí: tiền lãi được tính trên cơ sở dư nợ gốc giảm dần và số ngày vay thực tế, trên cơ sở một năm có 360 ngày, một tháng có 30 ngày; lịch trả nợ gốc, lãi, phí: thực hiện theo thỏa thuận của các Bên tại Khế ước nhận nợ và các văn bản, thỏa thuận khác giữa các bên (nếu có); Lịch trả nợ gốc lãi định kỳ hàng tháng là ngày trả lương của Bên vay hoặc trùng với ngày giải ngân hoặc theo thỏa thuận và ghi rõ trên khế ước nhận nợ, lịch trả nợ có thể thay đổi theo quyết định của Ngân hàng; số tiền trả nợ: nợ gốc trả đều hàng tháng, kỳ cuối trả hoàn tất toán, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần; nguồn trả nợ: từ lương, phụ cấp.

Ngày 30/5/2016, ông Nguyễn Văn X ký Đăng ký phát hành thẻ tín dụng với Ngân hàng A – chi nhánh Đà Nẵng – Phòng giao dịch Hòa Khánh, cụ thể: Hạn mức thẻ 10.000.000 đồng, loại thẻ: Maritime Bank Blue Platinum, lãi suất theo thỏa thuận: 32%/năm, lãi suất quá hạn 14,4%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 27/5/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn X theo Khế ước nhận nợ số 27/05/2016/CVCN số tiền 100.000.000 đồng đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký kết. Ngày 30/5/2016, Ngân hàng đã chấp nhận giải ngân cho ông Nguyễn Văn X 10.000.000 đồng vào tài khoản thẻ tín dụng đúng theo Đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký kết. Đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016, ông X chỉ thanh toán cho đến ngày 06/9/2016 được 10.910.360 đồng, trong đó nợ gốc 5.000.001 đồng, nợ lãi 5.908.727 đồng, nợ lãi quá hạn 1.632.000 đồng. Đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016, ông X chỉ thanh toán được 10.373.640 đồng, trong khi đó tổng chi tiêu, lãi, phí của ông X là 23.823.550 đồng (Ngày 20/6/2017, Ngân hàng sử dụng dự phòng xuất ra ngoại bảng theo dõi như 1 khoản vay). Từ đó, dẫn đến khoản vay, khoản nợ thẻ tín dụng bị nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng ông X vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 24/11/2020, ông Nguyễn Văn X còn nợ Ngân hàng số tiền 241.760.890 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi đồng). Trong đó:

+ Đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016: Nợ gốc là 94.999.999 đồng, nợ lãi 96.194.420 đồng, lãi quá hạn 21.083.638 đồng. Tổng cộng là 212.278.057 đồng.

+ Đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016: Nợ gốc: 9.995.169 đồng; nợ lãi 13.917.023 đồng; lãi quá hạn 5.570.641 đồng; tổng cộng 29.482.833 đồng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn X thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ dư nợ gốc, lãi vay theo Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký với tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2020 là 241.760.890 đ (Hai trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi đồng), trong đó nợ gốc 104.995.168 đồng, nợ lãi 110.111.443 đồng, nợ lãi quá hạn là 26.654.279 đồng. Kể từ ngày 25/11/2020, ông Nguyễn Văn X còn phải chịu lãi suất phát hành trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán kết nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn X thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ dư nợ gốc, lãi vay theo Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký với tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2021 là 273.509.252 đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng), trong đó đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016: nợ gốc 94.999.999 đồng, nợ lãi 114.860.600 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.063.142 đồng, tổng cộng 239.923.741 đồng; đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016: nợ gốc 9.995.169 đồng, nợ lãi 16.662.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.585.511 đồng, tổng cộng 33.585.511 đồng. Kể từ ngày 30/9/2021, ông Nguyễn Văn X còn phải chịu lãi suất phát hành trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ, Đăng ký phát hành thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán kết nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn X phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 273.509.252 đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng), trong đó đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016: nợ gốc 94.999.999 đồng, nợ lãi 114.860.600 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.063.142 đồng, tổng cộng 239.923.741 đồng; đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016: nợ gốc 9.995.169 đồng, nợ lãi 16.662.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.585.511 đồng, tổng cộng 33.585.511 đồng. Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2021, ông Nguyễn Văn X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016 và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Văn X, trú tại: Tổ A1 (cũ), tổ A2 (mới), phường B1, quận C1, Tp Đà Nẵng về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Nguyễn Văn X vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ngày 27/5/2016, Ngân hàng A – chi nhánh Đà Nẵng – Phòng giao dịch Hòa Khánh (là bên cho vay), địa chỉ 224 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng và ông Nguyễn Văn X (là bên vay) đã ký Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV với các nội dung sau: số tiền vay: 100.000.000 đồng; thời hạn: vay 60 tháng; thời hạn rút vốn: trong vòng 120 ngày kể từ ngày 27/5/2016; mục đích sử dụng vốn vay: mua sắm đồ gia dụng; lãi suất cho vay: lãi suất theo quy định (thay đổi theo chính sách/sản phẩm do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ), được quy định cụ thể tại các Khế ước nhận nợ (lãi suất vay tại Khế ước nhận nợ: 23,5%/năm tính trên dư nợ thực tế giảm dần và được điều chỉnh theo Thông báo của bên cho vay); Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và một số thỏa thuận khác tại Hợp đồng.

Ngày 30/5/2016, ông Nguyễn Văn X ký Đăng ký phát hành thẻ tín dụng với Ngân hàng A – chi nhánh Đà Nẵng – Phòng giao dịch Hòa Khánh, cụ thể: Hạn mức thẻ 10.000.000 đồng, loại thẻ: Maritime Bank Blue Platinum, lãi suất theo thỏa thuận: 32%/năm, lãi suất quá hạn 14,4%/năm (Theo Quyết định về việc ban hành biểu lãi suất tín dụng tại Ngân hàng bán lẻ số 703/2016/QĐ-TGDD1 ngày 25/3/2016 của Ngân hàng A thì lãi suất cho vay đối với Thẻ tín dụng Blue là 32%/năm, lãi suất quá hạn bằng 145% lãi suất trong hạn, tức là 14,4%/năm).

Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 27/5/2016, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn X đúng như đã thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016 và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016. Đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016, ông X chỉ thanh toán cho đến ngày 06/9/2016 được 10.910.360 đồng, trong đó nợ gốc 5.000.001 đồng, nợ lãi 5.908.727 đồng, nợ lãi quá hạn 1.632.000 đồng. Đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016, ông X chỉ thanh toán được 10.373.640 đồng, trong khi đó tổng chi tiêu, lãi, phí của ông X là 23.823.550 đồng

(Ngày 20/6/2017, Ngân hàng sử dụng dự phòng xuất ra ngoại bảng theo dõi như 1 khoản vay). Từ đó, dẫn đến khoản vay, khoản nợ thẻ tín dụng bị nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chuyển dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng ông X vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2021, ông Nguyễn Văn X còn nợ Ngân hàng là 273.509.252 đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng), trong đó đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016: nợ gốc 94.999.999 đồng, nợ lãi 114.860.600 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.063.142 đồng, tổng cộng 239.923.741 đồng; đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016: nợ gốc 9.995.169 đồng, nợ lãi 16.662.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.585.511 đồng, tổng cộng 33.585.511 đồng. Như vậy ông Nguyễn Văn X đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn X phải chịu 13.675.462 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng) ($273.509.252\text{đ} \times 5\%$) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0008973 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 122, 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Văn X về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1. Buộc ông Nguyễn Văn X phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 273.509.252 đ (Hai trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, hai trăm năm mươi hai đồng), trong đó đối với Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016: nợ gốc 94.999.999 đồng, nợ lãi 114.860.600 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.063.142 đồng, tổng cộng 239.923.741 đồng; đối với Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016: nợ gốc 9.995.169 đồng, nợ lãi 16.662.362 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.585.511 đồng, tổng cộng 33.585.511 đồng.

Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2021, ông Nguyễn Văn X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận

tại Hợp đồng cho vay số 27.02/2016/HĐCV ngày 27/5/2016 và Đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 30/5/2016.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn X phải chịu 13.675.462 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0008973 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng